

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HỢP TÁC TRONG DẠY HỌC TỪ XA BỘ MÔN NÓI 2 CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG QUỐC

APPLICATION OF COOPERATIVE TEACHING IN DISTANCE TEACHING IN CHINESE SPEAKING 2

*Nguyễn Thị Cẩm Vân**

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 03/05/2021

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 02/11/2021

Ngày bài báo được duyệt đăng: 26/11/2021

Tóm tắt: Trong thời kì hội nhập như hiện nay, nhu cầu sử dụng tiếng Trung ở Việt Nam đã và đang phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, khả năng giao tiếp tiếng Trung của phần lớn người học còn hạn chế, đặc biệt là những học viên đào tạo từ xa. Giảng viên đã tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học tiếng Trung nhưng hiệu quả đạt được còn chưa cao. Phương pháp dạy học hợp tác với rất nhiều ưu thế như tính tương tác cao, tăng cơ hội thực hành và khả năng khẩu ngữ của học viên, giúp giảng viên hiểu rõ và đánh giá được năng lực, trình độ của mỗi học viên. Người viết dựa trên cơ sở kết quả nghiên cứu của các nhà nghiên cứu đi trước, thông qua việc đúc rút, tổng kết kinh nghiệm trong quá trình dạy học thực tế của bản thân, từ đó đề xuất và đưa ra cách vận dụng phương pháp dạy học hợp tác trong dạy học tiếng Trung cho học viên đào tạo từ xa trường Đại học Mở Hà Nội nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

Từ khóa: Phương pháp dạy học, dạy học hợp tác, nhóm, đào tạo từ xa, tiếng Trung Quốc.

Abstract: In the current integration period, the demand for using Chinese in Vietnam has been growing strongly. However, the communicative ability of most learners in Chinese is still limited, especially distance students. Teachers have been active in innovating Chinese teaching methods, but the effectiveness is still not very high. The cooperative teaching method has many advantages such as high interactivity, increasing students' opportunities and oral ability, helping teachers understand and assess the capacity and level of each student. Based on the research results of previous researchers, through drawing and summarizing experiences in the actual teaching process, thereby proposing and giving ways to apply the cooperative teaching method in teaching Chinese for distance students at Hanoi Open University in order to improve the quality of teaching and learning.

Keywords: Teaching method, cooperative teaching, group, distance training, Chinese.

* Khoa Tiếng Trung Quốc – Trường Đại học Mở Hà Nội

I. Dẫn nhập

Trong thời kì hội nhập và với xu thế toàn cầu hoá như hiện nay, nhu cầu sử dụng tiếng Trung ở Việt Nam đã và đang phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, khả năng giao tiếp tiếng Trung của phần lớn người học Việt Nam còn hạn chế, đặc biệt là những học viên đào tạo từ xa, mặc dù các nhà giáo dục ngôn ngữ đã vận dụng nhiều phương pháp giảng dạy hiện đại nhằm nâng cao khả năng giao tiếp tiếng Trung cho học viên.

Thực tế, số lượng học viên trong các lớp đào tạo từ xa không đồng nhất. Hơn thế nữa họ còn khác nhau về trình độ, tuổi tác, khác nhau về hoàn cảnh sống, xuất xứ vùng miền, tính cách... Trong bối cảnh lớp học không đồng nhất như vậy, giáo viên rất khó để bố trí và phân phối thời lượng giao tiếp đồng đều cho toàn bộ học viên nên cơ hội để từng học viên có thể giao tiếp đối diện trực tiếp với giáo viên là hạn chế. Vì vậy, phương pháp dạy học hợp tác có thể được xem là giải pháp đưa đến nhiều cơ hội tương tác và học hỏi giữa học viên với nhau, cho phép họ dễ dàng phát hiện ra những điểm yếu của bản thân, từ đó tìm tòi và hình thành kiến thức của chính họ.

Nếu được tổ chức học hợp tác, học viên sẽ quan tâm và giúp đỡ nhau trong học tập, có nhiều cơ hội tương tác với nhau và với giáo viên hơn, bởi vì đặc tính cơ bản của phương pháp dạy học hợp tác này là tính chịu trách nhiệm tham gia hoạt động của mọi thành viên. Đồng thời, học tập hợp tác nhằm khích lệ việc học của tất cả mọi thành viên trong nhóm, phát huy vai trò hoạt động của mỗi cá nhân, từ đó mang lại hiệu quả khi giao tiếp.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái quát về đào tạo từ xa

Trước đây, chúng ta chỉ học tập trực tiếp tại trường, lớp, trung tâm. Tuy nhiên,

theo thời gian, những cải tiến về công nghệ lần thay đổi trong nhu cầu, cách sinh hoạt của con người đã dẫn tới sự ra đời của hình thức đào tạo từ xa.

Theo giáo sư Sonja Ruehl, đào tạo từ xa được thực hiện thông qua các phương pháp và phương tiện thông tin chứ không phải thông qua sự tiếp xúc trực tiếp giữa người dạy và người học. Đặc điểm phân biệt của các phương pháp đào tạo từ xa là tính tương hỗ, thể hiện ở sự tác động qua lại giữa người học và tài liệu học tập. Đây là một phương pháp sư phạm mà trong đó quá trình và ý thức học tập tự giác cao của học viên được nhấn mạnh. Các nội dung, phương pháp, phương tiện phục vụ giảng dạy và học tập được thiết kế để phù hợp với quá trình tự học đó.

Ở nước Anh, nhiều khái niệm về đào tạo từ xa như đào tạo mở (Open learning), đào tạo từ xa (Distance education), đào tạo lấy người học làm trung tâm (Student-centred learning), học hàm thụ (Correspondence learning), ... đã xuất hiện để phân biệt phương pháp dạy học mới này với phương pháp dạy học truyền thống – dạy học trực tiếp.

Theo Quyết định 40/2002/QĐ - BGD&ĐT ngày 14/10/2002: “Đào tạo từ xa là một quá trình giáo dục – đào tạo mà trong đó phần lớn hoặc toàn bộ quá trình đào tạo có sự tách biệt giữa thầy và trò về mặt không gian hoặc/và thời gian”.

2.2. Khái niệm dạy học hợp tác và lợi ích của dạy học hợp tác

2.2.1. Khái niệm

Có rất nhiều các định nghĩa khác nhau về “dạy học hợp tác” hay “học tập hợp tác”. Ví dụ:

J. Cooper và các tác giả khác (1990): học tập hợp tác là một chiến lược học tập có cấu trúc, có chỉ dẫn một cách hệ thống,

được thực hiện cùng nhau trong các nhóm nhỏ, nhằm đạt được nhiệm vụ chung.

D. Johnson, R. Johnson & Holubec (1990): học tập hợp tác là toàn bộ những học tập mà học sinh thực hiện cùng nhau trong các nhóm, trong hoặc ngoài phạm vi lớp học. Có 5 đặc điểm quan trọng nhất mà mỗi một giờ học hợp tác phải đảm bảo được:

- Sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực
- Ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân
- Sự tác động tương hỗ
- Các năng lực xã hội
- Đánh giá trong các nhóm

Ngoài ra, còn có rất nhiều định nghĩa khác về dạy học hợp tác, người viết đồng ý với quan điểm của Nguyễn Thị Phương Hoa về dạy học hợp tác: “Tóm lại, có thể hiểu dạy học hợp tác là một chiến lược dạy học tích cực, trong đó các thành viên tham gia hoạt động và học tập cùng nhau trong những nhóm nhỏ (mỗi nhóm bao gồm các thành viên có trình độ và khả năng khác nhau) nhằm mục đích phát triển sự hiểu biết và chiếm lĩnh một nội dung học tập nào đó.”[1]

2.2.2. Lợi ích của dạy học hợp tác

Hiện nay, các trường Đại học đang đặt ra các vấn đề để phát huy tính tự giác và khả năng tự học cho học viên. Trong giảng dạy ngoại ngữ, học hợp tác mang lại nhiều lợi ích như sau:

- Tăng độ lưu loát và phong phú của việc thực hành ngoại ngữ thông qua giao tiếp và tương tác lẫn nhau.
- Giúp phát triển nhận thức của người học về ngôn ngữ đang học và sử dụng.
- Người học phải sử dụng nhiều kỹ năng giao tiếp xã hội, vì vậy khi tham gia học hợp tác, người học sẽ được củng cố và rèn luyện kỹ năng này.

- Giúp học viên lĩnh hội và đồng hoá những ý tưởng và thông tin mới.

- Những thành viên có khả năng ngoại ngữ tốt hơn trong hoạt động học hợp tác có thể trở thành “hình mẫu” cho các học viên khác noi gương và học theo để phát huy kỹ năng nói và giao tiếp.

- Tạo ra môi trường và mục đích thực sự để học viên tiến hành giao tiếp và sử dụng tiếng Trung, có người cùng học để trao đổi, đàm thoại và chia sẻ thông tin.

- Khi giáo viên vận dụng phương pháp dạy học hợp tác này sẽ giúp các học viên nâng cao vốn từ vựng khi sử dụng.

Như vậy, trong quá trình học hợp tác, học viên có thể trao đổi, thảo luận thông tin và điều chỉnh ngôn ngữ đang sử dụng. Phương pháp này giúp người học trở thành những người giao tiếp thành công vì họ có yêu cầu và mục đích giao tiếp thực sự.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp quan sát khoa học

Người nghiên cứu thông qua việc vận dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong các lớp trực tuyến, quan sát sự thể hiện của mỗi học viên, hiệu quả hoạt động nhóm và ý kiến phản hồi của học viên.

3.2. Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết

Bài nghiên cứu dựa trên cơ sở kết quả nghiên cứu của các nhà nghiên cứu đi trước, tiến hành phân tích và tổng hợp tính khoa học của việc vận dụng phương pháp dạy học hợp tác trong dạy học ngoại ngữ.

3.3. Phương pháp phân tích tổng kết kinh nghiệm

Trải qua hai học kỳ vận dụng phương pháp dạy học hợp tác trong lớp học trực tuyến bộ môn Nói 2 đối với sinh viên

chuyên khoa, người nghiên cứu đúc rút, tổng kết kinh nghiệm giảng dạy thực tế của bản thân trong việc vận dụng phương pháp dạy học hợp tác, từ đó đưa ra đề xuất vận dụng phương pháp này trong dạy học từ xa bộ môn Nói 2.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng dạy và học kỹ năng nói tiếng Trung hiện nay tại trường Đại học Mở Hà Nội

4.1.1. Thuận lợi

- Việc dạy và học kỹ năng nói tiếng Trung hiện nay tại Trường Đại học Mở Hà Nội nhận được sự quan tâm và chỉ đạo của Nhà trường.

- Tiếng Trung là ngôn ngữ phổ biến, học viên có ý thức tìm tòi, học hỏi.

- Tài liệu học tập và tài liệu tham khảo rất phong phú.

4.1.2. Khó khăn

- Học viên chưa có nhiều thời gian thực hành nói trên lớp vì số lượng học viên trong một lớp quá đông hoặc bài học quá dài.

- Thực tế thường thấy ở các tiết học thì công việc của giáo viên và học viên là: học viên chuẩn bị trước từ mới, giáo viên thuyết trình, học viên ghi chép và lặp lại, sau đó giáo viên nhận xét, đưa ra câu trả lời đúng cho học viên thực hành. Cách tổ chức này cho thấy chỉ có rất ít số học viên suy nghĩ và làm việc tích cực, phần lớn người học đều nghe giảng và ghi chép bài một cách thụ động, máy móc, như vậy hiệu quả đào tạo rất thấp.

Với thực trạng như trên, người viết đưa ra đề xuất cách vận dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong giảng dạy bộ môn Nói 2 để thu hút học viên tham gia vào bài học một cách chủ

động, tích cực cũng như tạo hứng thú cho học viên mỗi khi đến tiết Nói.

4.2. Khả năng vận dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm vào dạy học từ xa bộ môn Nói 2

Hiện nay, dạy học được coi là quá trình phát triển của mỗi cá nhân. Mỗi bản thân học viên cần biết chủ động tìm hiểu kiến thức thông qua sự dẫn dắt của giáo viên chứ không chỉ đơn thuần là tiếp nhận các kiến thức có sẵn.

Hiện nay giáo trình đã được biên soạn để tạo điều kiện cho cho giáo viên phân bổ và tổ chức các hoạt động giảng dạy để học viên có thể tự chủ động hơn trong việc học.

Giáo viên có thể dựa vào các nội dung trong giáo trình để triển khai giao nhiệm vụ hoạt động nhóm khi thiết kế video giảng dạy cho học viên từ xa hoặc đưa ra yêu cầu thông qua các phần mềm dạy và học trực tuyến.

4.3. Quy trình tổ chức hoạt động học tập theo nhóm của học viên

Bước 1: Giáo viên tiến hành chia nhóm học viên

Giáo viên có thể tùy theo mục đích học tập để chia nhóm học viên cho phù hợp, có thể chia nhóm ngẫu nhiên hoặc cũng có thể chia nhóm theo chủ ý định sẵn.

Khi chia nhóm, giáo viên cần lưu ý:

Số lượng thành viên trong mỗi nhóm phụ thuộc vào:

+ Nội dung bài học nhiều hay ít

+ Thời gian hoạt động nhóm

Học viên phải nhanh chóng chủ động hình thành nhóm học tập theo sự dẫn dắt và phân chia của giáo viên.

Bước 2: Giáo viên tiến hành giao nhiệm vụ cho từng nhóm

Giáo viên có thể thông qua các phần mềm dạy học để giao nhiệm vụ cho học viên. Giáo viên cần lưu ý, mỗi nhiệm vụ được giao phải thật cụ thể, quy định rõ nội dung kiến thức mà học viên cần nắm được.

Giáo viên cũng cần đưa ra thời hạn làm việc nhóm rõ ràng cho học viên để đảm bảo đủ thời gian để các nhóm thảo luận và làm việc, trao đổi với nhau.

Yêu cầu về cách thức làm việc theo nhóm.

Yêu cầu về cách thể hiện kết quả làm việc nhóm: Video, PPT...

Về phía các nhóm học viên: Các nhóm học viên cần biết tra tìm tài liệu và lên kế hoạch hợp tác, phân chia nhiệm vụ cho từng thành viên, thống nhất nội dung trình bày...

Bước 3: Làm việc trong nhóm

Giáo viên yêu cầu mỗi nhóm bầu ra nhóm trưởng, nhóm trưởng phụ trách phân chia công việc cho từng thành viên, nhắc nhở các thành viên đóng góp ý kiến, báo cáo tiến độ hoàn thành công việc được giao.

Bước 4: Báo cáo kết quả

Giáo viên yêu cầu từng nhóm đăng tải sản phẩm của quá trình làm việc nhóm (Video hoặc PPT) lên trang web mà giáo viên yêu cầu (giáo viên có thể sử dụng Google docs hoặc Padlet.com)

Bước 5: Tổng kết

Mỗi nhóm có thể tự nhận xét và rút ra bài học, hoặc giáo viên cũng có thể là người đưa ra đánh giá cho mỗi phần trình bày của các nhóm để học viên rút kinh nghiệm và học hỏi.

4.4. Vai trò của giáo viên khi tổ chức hoạt động nhóm

- Giáo viên cần tìm hiểu thông tin về học viên: Giáo viên cần tìm hiểu nhu cầu

của từng học viên, trình độ của từng học viên để biết được năng lực và mong muốn của mỗi học viên với mỗi bài học.

- Giáo viên đưa ra yêu cầu về mục tiêu kiến thức cần nắm vững.

- Giáo viên quyết định thành lập nhóm (nhóm ngẫu nhiên hay nhóm theo chủ ý định sẵn).

- Giáo viên cần can thiệp đúng lúc để hướng dẫn lại khi có thắc mắc từ phía học viên.

- Đánh giá hoạt động nhóm: Giáo viên là người đánh giá kết quả mà từng nhóm báo cáo.

4.5. Các điều kiện để hoạt động nhóm có hiệu quả

4.5.1. Điều kiện đối với giáo viên

Hầu hết **các giáo viên** hiện nay đã hiểu và nhận ra tầm quan trọng trong đổi mới phương pháp dạy học tiếng Trung, đồng thời áp dụng phương pháp dạy học tích cực (trong đó có phương pháp dạy và học hợp tác) trong dạy học tiếng Trung.

Đổi mới phương pháp dạy học là nhân tố quan trọng, quyết định đến việc thành bại của quá trình đổi mới, góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả dạy học tiếng Trung và nâng cao vai trò, vị thế của môn tiếng Trung tại trường Đại học.

Giáo viên phải là người tổ chức và dẫn dắt toàn bộ quá trình học tập của học viên, chính vì vậy giáo viên cần thực hiện tốt các nhiệm vụ dưới đây:

- Lên ý tưởng và lập kế hoạch giảng dạy bao gồm mục tiêu kiến thức, nội dung cần nắm vững... để từ đó đặt ra những câu hỏi tình huống hoặc các dạng bài tập thực hành liên quan đến nội dung bài giảng để học viên được ôn luyện và lĩnh hội kiến thức thông qua tương tác và hợp tác với các thành viên khác.

- Giáo viên cũng cần chú ý tạo hứng thú học tập cho học viên, để học viên tham gia học tập một cách tự nguyện.

- Giáo viên cần dựa vào việc hướng dẫn và giúp đỡ học viên để nắm được quá trình học tập hợp tác của học viên.

4.5.2. Điều kiện đối với học viên

Học viên hệ đào tạo từ xa của trường Đại học Mở Hà Nội hiện nay đều là những người ở độ tuổi trưởng thành, thích bày tỏ quan điểm cá nhân về mọi vấn đề trong đời sống và xã hội. Giáo viên có thể dựa vào đặc điểm này để áp dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong quá trình giảng dạy tiếng Trung, tạo cho học viên những điều kiện tốt để tham gia học tập hợp tác theo nhóm, cụ thể như sau:

- Học viên phải là người chủ động học tập, tìm tòi và tiếp thu kiến thức, tích cực tham gia hoạt động để đạt được hiệu quả cao trong học tập, từ đó tự tìm ra cho bản thân phương pháp học và phương pháp tự học phù hợp.

- Học viên cần tự bồi dưỡng hứng thú và đam mê học tập, đây là yếu tố rất quan trọng và là động lực to lớn để thúc đẩy tính chủ động và tự giác trong học tập cũng như trong qus trình tham gia học tập nhóm.

- Học viên cần biết tự đánh giá bài

làm của mình và kết quả hoạt động nhóm mà mình tham gia để từ đó hiểu hơn về bản thân cũng như nhiệm vụ của mỗi thành viên nhóm đối với các mục tiêu đã được đề ra trước đó.

4.6. Vận dụng phương pháp dạy học hợp tác vào dạy học từ xa bộ môn Nói 2

Chương trình học bộ môn Nói 2 có tổng cộng 10 bài học, giáo viên có thể thiết kế như sau:

Từ bài 1 đến bài 5: Giáo viên thiết kế bài giảng và giảng dạy các nội dung như trong giáo trình cho học viên.

Từ bài 6 đến bài 10: Giáo viên tiến hành chia nhóm học viên và giao nhiệm vụ.

Giả sử một lớp học từ xa tiếng Trung có 20 học viên, giáo viên chia lớp thành 5 nhóm, mỗi nhóm 4 thành viên. Giáo viên cho các nhóm lần lượt bốc thăm bài giảng (từ bài 6 đến bài 10). Nhiệm vụ của mỗi nhóm là chuẩn bị nội dung bài học mà nhóm mình bốc thăm được dưới dạng PowerPoint. Mỗi tuần, giáo viên triển khai một buổi học trực tuyến để các nhóm thuyết trình về nội dung mà mình chuẩn bị (mỗi tuần một nhóm thuyết trình).

Giáo viên nêu rõ nội dung cần chuẩn bị thuyết trình của mỗi bài như sau:

第六课 就业的路有多长	1. 生词 2. 句型表达 3. 讨论问题 4. “鼓励”的表达法
第七课 悠着点儿，别累着	1. 生词 2. 句型表达 3. 讨论问题 4. “祝贺”的表达法
第八课 善待你的钱包	1. 生词 2. 句型表达 3. 讨论问题 4. “发愁”的表达法

第九课 多个朋友多条路	1. 生词 2. 句型表达 3. 讨论问题 4. “送别”或“告别”的表达法
第十课 我的未来不是梦	1. 生词 2. 句型表达 3. 讨论问题 4. “建议”的表达法

Mẫu sản phẩm PowerPoint nhóm học viên chuẩn bị cho buổi thuyết trình

第九课 多个朋友多条路

第四组

Nguyễn Thị Thùy
Nguyễn Thị Quỳnh
Đỗ Thị Huyền Trang
Vũ Thị Hải Yến

内容

- ① 生词
- ② 句型表达
- ③ 讨论问题
- ④ “送别”或“告别”的表达法

01 生词

VŨ THỊ HẢI YẾN

1. 热心肠 [rèxīncháng] Nhiệt tình

对人热情、爱帮助人、做事积极的性格。他是个**热心肠**，谁有了困难他都愿意去帮忙。

2. 抛头脸 [tāotóuliǎn] Đương đầu, đầu đầu

抛头脸，露头儿。例：我们都很想举办这次活动，就是没有**抛头脸**的。

3. 人缘儿 [rényuán] Cũ duyên, nhân duyên

跟人相处的关系（有时指良好的关系）。例：小王在我们单位**人缘儿**。

4. 吃排头 [chīpáoróu] Chịu đòn, chịu khổ

收到痛苦或遇到很多困难与挫折。例：你的性格这么急躁应该改一改，否则将来肯定**吃排头**的。

02

句型表达

DỖ THỊ HUỖN TRANG

1. 虽然……,但慢慢地……

例:虽然开始学习汉语比较困难,但慢慢地,我发现汉语越来越有意思了。

开始工作时都不太会干,时间长了,就跟我到门儿了(giống như ở nhà - hi vọng cách giao tiếp, phương pháp).

虽然开始工作时都不太会干,但我慢慢地就找到窍门儿了。

2.没什么好羡慕

例:吃土盒饭了,再喝上一碗饺子汤,比什么都舒服。

我觉得累了的时候泡个热水澡最舒服。

我觉得累了的时候泡个热水澡比什么都舒服。

3.(某人)张口闭口……,让人……

例:现在的年轻人张口闭口面子啊,车啊,让人觉得很不耐烦。

别人都讨厌总是讨论化妆品,衣服的女孩子。

那些女孩子张口闭口是化妆品,衣服,让人觉得很讨厌。

27 / 38

4.可不是三天就能……的

例:这种事情可不是三天就能做好的。

学习外语需要很长时间才能掌握。

学习外语可不是三天就能掌握的。

03

讨论问题

NGUYỄN THỊ QUỲN

你觉得生活中什么样的人比较受欢迎?

- 会说话
- 尽全力说到做到
- 有责任心
- 知道倾听别人
- 自信

04

“送别”和“告别”的表达法

NGUYỄN THỊ THUY

1. 今天我们为……饯行 (送别的意思)

设酒宴为别人进行时的说法

例:明天小明就要去美国了,我们在这里给他饯行,大家干一杯。

2. 今天我们在这几欢送…… (送别的意思)

当某人要离开某地,为他举行正式的送别活动时的表达法

例:05届毕业生马上就要离校了,今天我们在这几欢送他们,祝他们事业有成。



V. Kết luận

Có thể thấy phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm là một trong những phương pháp dạy học tích cực vô cùng hiệu quả, đặc biệt khi áp dụng trong dạy học bộ môn Nói 2 chuyên ngành tiếng Trung Quốc. Giáo viên vận dụng phương pháp dạy học tích cực này không chỉ tạo được tính chủ động tìm tòi, tự giác học tập của học viên hệ từ xa, mà còn giúp phần tăng hứng thú và tạo động cơ học tập đúng đắn để từ đó giúp học viên tự nâng cao năng lực và trình độ bản thân.

Thông qua quá trình học tập hợp tác theo nhóm, mỗi học viên hệ từ xa học tập được rất nhiều các kỹ năng làm việc và xử lý tình huống một cách độc lập để từ đó tự hoàn thiện kiến thức cũng như các kỹ năng cần thiết cho bản thân.

Bên cạnh đó, việc giáo viên chia nhóm tiến hành thảo luận, yêu cầu mỗi nhóm thuyết trình trước cả lớp là cơ hội quý báu để từng học viên rèn luyện kỹ năng và trau dồi kiến thức về các mặt như kỹ năng giao tiếp, cách diễn đạt và trình bày vấn đề, cách bày tỏ ý kiến và quan điểm cá nhân... từ đó góp phần nâng cao năng lực và trình độ ngoại ngữ của bản thân.

Đây là phương pháp mang lại hiệu quả dạy học cao trong dạy học bộ môn Nói 2 chuyên ngành tiếng Trung Quốc. Trong quá trình vận dụng phương pháp

dạy học hợp tác này, giáo viên cần điều chỉnh cho phù hợp với hình thức học của hệ đào tạo từ xa dựa trên các nguyên tắc như tính tương tác cao và khả năng ứng dụng thực tế.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Nguyễn Thị Phương Hoa, *Về phương pháp dạy – học hợp tác*, tạp chí khoa học số 3 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, (2005).
- [2]. Nguyễn Hạnh Dung, *Phương pháp dạy tiếng Anh trong trường phổ thông*, NXB Giáo dục.
- [3]. Hồ Thị Hương, *Vận dụng dạy học hợp tác trong giảng dạy ngôn ngữ tại các trường đại học ở Việt Nam*, (2021), (dhktna.edu.vn).
- [4]. Johnson, D.W., & Johnson, R.T. (1991). *Learning Together and Alone: Cooperative, Competitive, and Individualistic (3rd Edition)*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.
- [5]. Kagan, S. (1999). *Dimensions of cooperative classroom structures*. In Slavin, R.E. et al (Eds.). *Learning to Cooperate, Cooperating to Learning*. New York: Plenum press.
- [6]. 胡晓清, 《中级汉语听说教程》, 北京大学出版社, (2006).
- [7]. 魏龙欣, 远程对外汉语教学的实践探索, 中国多媒体与网络教学学报, (2021).

Địa chỉ tác giả: Khoa Tiếng Trung Quốc – Trường Đại học Mở Hà Nội

Email: ntcvan@hou.edu.vn

